TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HS-ST
Ngày 21-11-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Kim Xuyến

Bà Trần Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu- Là Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 212/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Trương Thanh T, sinh năm 1998 tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Trương Thị Mỹ L; Bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án:

+ Ngày 28/4/2017, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xử phạt 01 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 26/12/2017, bị cáo chấp hành xong hình phạt.

+ Ngày 16/4/2019, bị cáo T bị Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 05/01/2022, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 05/6/2022. Bị cáo có mặt

- *Bị hại*: Ông Trần Văn U, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Thanh T và Trần Văn U ở chung phòng trọ số 17 của cơ sở trọ 755 thuộc ấp Bình Phú, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Vào lúc 01 giờ 15 phút ngày 29/5/2022, lợi dụng lúc anh U đang ngủ, T đã lén lút lấy trộm số tiền 3.600.000đ trong ví của anh U; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A 6 và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64H1-130.35 của anh U. Sau khi dẫn xe ra khỏi phòng trọ, T điều khiển xe đến quận 7-TP Hồ Chí Minh thuê một phòng khách sạn để nghỉ. Đến 09 giờ 30 phút ngày 30/5/2022, T bán chiếc điện thoại OPPO A 6 của anh U cho một cửa hàng điện thoại (không nhớ tên và địa chỉ) được số tiền 2.500.000đ. Đến ngày 05/6/2022, T đến Công an xã Long Tân, huyện N đầu thú và giao nộp chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64H1-130.35. Công an xã L đã lập hồ sơ và chuyển giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N để xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng vụ án gồm:

- Số tiền 3.600.000đ, T đã sử dụng cá nhân, không thu hồi được.

- 01 chiếc điện thoại OPPO A6, T đã bán nên không thu hồi được.

- 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Excenter biển số 64H1-130.35.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 55/KLĐG- HĐĐG ngày 09/6/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N xác định: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64H1-130.35có giá trị là 13.500.000đ; 01 chiếc điện thoại OPPO A6 có giá là 8.000.000đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 199/CT.VKS-NT ngày 31/10/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Trương Thanh T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T từ 03 năm đến 04 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả cho người bị hại nên không xem xét; Đối với số tiền 3.600.000đ và chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A6 bị cáo T đã bán không thu hồi được nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại.

Bị cáo Trương Thanh T không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trương Thanh T tại phiên tòa: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo: Trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trương Thanh T đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở xác định:

Vào lúc 01 giờ 15 phút ngày 29/5/2022, tại ấp Bình Phú, xã Long Tân, huyện N, tỉnh Đồng Nai, bị cáo Trương Thanh T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 3.600.000đ, 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A6 trị giá 8.000.000đ và 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 64H1-130.35 trị giá 13.500.000đ của ông Trần Văn U để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Như vậy, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố để kết luận bị cáo Trương Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Mặt khác, bị cáo T đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do muốn có tiền để tiêu xài nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội bất chấp hậu quả xảy ra. Mặt khác, bị cáo là người có tiền án về tội trộm cắp tài sản nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo khai không có việc làm và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên Tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện tội phạm bị cáo đã đến Công an xã L đầu thú; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về trách nhiệm dân sự: Đối với chiếc xe mô tô đã được thu hồi trả cho bị hại nên không xem xét. Đối với số tiền 3.600.000đ và điện thoại di động hiệu OPPO A6 trị giá 8.000.000đ bị cáo T đã bán không thu hồi được nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho bị hại Trần Văn U số tiền tổng cộng là 11.600.000đ.

[8] Về án phí: Bị cáo Trương Thanh T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và tiền án phí dân sự sơ thẩm là 580.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thanh T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Thanh T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/6/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 586, 589 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuyên buộc bị cáo Trương Thanh T có trách nhiệm bồi thường cho ông Trần Văn U số tiền 11.600.000đ (Mười một triệu sáu trăm nghìn đồng).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Trương Thanh T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 580.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày Bản án này có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng

còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Lâm

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục thi hành án DS huyện N;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.